

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2020
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ngọc Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Đến

Bà Nguyễn Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Lò Gò, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1983 (Vắng)

Địa chỉ: Ấp Lò Gò, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2020 và bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị C là nguyên đơn trình bày: chị với anh Trần Văn B kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B không lo cho gia đình, làm bao nhiêu có tiền anh tiêu sài hết không phụ giúp vợ

con. Thậm chí anh B thiếu nợ bên ngoài, chị phải trả nợ thay cho anh B. Mỗi khi đi uống rượu về là anh B dùng những hành động khiếm nhã xúc phạm thể xác lẫn tinh thần chị, nên hai người sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Xét thấy không thể hòa hợp được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh B

Về con chung: có hai con chung là Trần Thị Mỹ Hân, sinh ngày 04/4/2005, Trần Thanh Trọng, sinh ngày 29/6/2007, hiện đang sống với chị. Chị tôn trọng quyết định của các con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau.

Về tài sản chung: chị với anh B tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 09/6/2020 ông Trần Ngọc Thành là Trưởng ban nhân dân ấp Lò Gò, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Ông Thành cho rằng quá trình chung sống vợ chồng anh B, chị C không có mâu thuẫn gì nhiều, ông chỉ nghe chị C nói lại là anh B đi theo nhạc sóng có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, bị chị C bắt gặp. Hàng ngày anh B vẫn về nhà. Tuy nhiên, anh B không nhận văn bản tố tụng của Tòa án và địa phương và địa phương cũng không tiếp xúc được với anh B. Anh B nói chị C muốn làm gì thì làm. Việc ly hôn của vợ chồng chị C, anh B, ông không có ý kiến, do Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 và 99 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị C tuân thủ đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh Trần Văn B thì không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, mặt dù đã được Tòa án thông báo tổng đạt văn bản theo quy định hợp lệ nhiều lần nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do; vì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị C.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị C được ly hôn với anh Trần Văn B
- Về con chung: Cháu Trần Thị Mỹ Hân và Trần Thanh Trọng có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng nguyện vọng của hai cháu yêu cầu được sống với mẹ là chị Trần Thị C. Nghĩ nên giao chị Trần Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Mỹ Hân, sinh ngày 04/4/2005, Trần Thanh Trọng, sinh ngày 29/6/2007 (theo nguyện vọng của con chung) anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung: không có nên không xem xét.
- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị C phải chịu án phí theo quy định.

(Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ chứng cứ, tài liệu thể hiện trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Nguyên đơn là chị Trần Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

Về hình thức: Chị Trần Thị C với anh Trần Văn B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân tự nguyện. Nay phát sinh mâu thuẫn, chị C có đơn ly hôn với anh B. Xét tư cách khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị C với anh Trần Văn B kết hôn với nhau do hai người tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2002. Sau khi cưới, anh B, chị C về sống tại ấp Lò Ngò, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do anh B không phụ lo cho gia đình, khi làm có tiền là anh tiêu xài một mình, không đưa cho vợ con. Mỗi khi uống rượu về là anh B dùng những hành động khiếm nhã xúc phạm thể xác lẫn tinh thần. Đến tháng 5 năm 2018 hai người ly thân cho đến nay. Chị C thấy vợ chồng không thể hòa hợp được, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B

- Đối với anh Trần Văn B vắng mặt lần thứ hai không lý do, dù Tòa án có tổng đạt hợp lệ cũng như niêm yết văn bản tố tụng cho anh B, địa phương tiếp xúc

để tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B, anh B đều từ chối nhận. Đồng thời anh không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Biên. Xét thấy, tuy ly thân nhưng vẫn ở chung nhà với chị C. Anh B không quan tâm, tìm cách hàn gắn tình cảm với chị C. Thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị C và bỏ mặt chị, chị C nhất quyết ly hôn với anh B. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C, xử cho chị Trần Thị C được ly hôn với anh Trần Văn B theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Cháu Trần Thị Mỹ Hân và cháu Trần Thanh Trọng có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng nguyện vọng của hai cháu yêu cầu được sống với mẹ là chị Trần Thị C. Nghĩ nên giao chị Trần Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Mỹ Hân, sinh ngày 04/4/2005, Trần Thanh Trọng, sinh ngày 29/6/2007 (theo nguyện vọng của con chung) anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về nợ chung*: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

[6] *Về án phí*: Chị Trần Thị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và cũng phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C được ly hôn với anh Trần Văn B.

- Về con chung: Giao chị Trần Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Mỹ Hân, sinh ngày 04/4/2005, Trần Thanh Trọng, sinh ngày 29/6/2007 (theo nguyện vọng của con chung) anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng anh B được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.
- Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009286, ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên chị C không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành.
- UBND xã Song Lộc;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Ngọc Thu

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Đến – Trần Thị Sang

Kim Thị Ngọc Thu

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND huyện Châu Thành.
- THADS huyện Châu Thành.
- UBND xã Phước Hào
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Ngọc Thu